TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2019/DS-PT
Ngày 06 – 3 – 2019
V/v "tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Tấn

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Mười

Ông Đặng Văn Ý

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Nguyễn Văn Phượng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 199/TLPT-DS ngày 26/6/2018 về việc: "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DSST ngày 20/4/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo, giữa các bên đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lâm Thanh L, sinh năm 1955.
Địa chỉ: Ấp QN A, xã HL, huyện CT, tỉnh Trà Vinh.
(Có mặt tại phiên tòa phúc thẩm).

2. Bị đơn: Ông Lâm Văn G, sinh năm 1944 (chết ngày 10/9/2016).
Địa chỉ: Ấp QN A, xã HL, huyện CT, tỉnh Trà Vinh.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Giỏi:
- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1947;
- Chị Lâm Thị Mỹ Tr, sinh năm 1975;
- Chị Lâm Thị Mỹ C, sinh năm 1977;
- Anh Lâm Thu T, sinh năm 1980;
- Anh Lâm Thu L, sinh năm 1983;
- Chị Lâm Thị Mỹ T, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: Ấp QN A, xã HL, huyện CT, tỉnh Trà Vinh.
- Chị Lâm Thị Mỹ H, sinh năm 1973.
Địa chỉ: NO. 26, Dabei Rd – ShiLin Dist, Taipei city – Taiwan (Đài Loan).

Người đại diện hợp pháp của bà N, chị C, anh T, anh L, chị T, chị H: Chị Lâm Thị Mỹ Tr, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp QN A, xã HL, huyện CT, tỉnh Trà Vinh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1947;
- Chị Lâm Thị Mỹ Tr, sinh năm 1975;
- Chị Lâm Thị Mỹ C, sinh năm 1977;
- Anh Lâm Thu T, sinh năm 1980;
- Anh Lâm Thu L, sinh năm 1983;
- Chị Lâm Thị Mỹ T, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: Ấp QN A, xã HL, huyện CT, tỉnh Trà Vinh.

- Chị Lâm Thị Mỹ H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: NO. 26, Dabei Rd – ShiLin Dist, Taipei city – Taiwan (Đài Loan).

Người đại diện hợp pháp của bà N, chị C, anh T, anh L, chị T, chị H: Chị Lâm Thị Mỹ Tr, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp QN A, xã HL, huyện CT, tỉnh Trà Vinh.

- Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp QN A, xã HL, huyện CT, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà Chí:
Ông Lâm Thanh L, sinh năm 1955.
Địa chỉ: Ấp QN A, xã HL, huyện CT, tỉnh Trà Vinh.

- Ủy ban nhân dân huyện CT, tỉnh Trà Vinh.

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn CT, huyện CT, tỉnh Trà Vinh.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn D, chức vụ Chủ tịch.

4. Người kháng cáo: ông Lâm Thanh L là đơn trong vụ án dân sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 24/11/2015, đơn khởi kiện bổ sung ngày 29/8/2016 và lời khai ông Lâm Thanh L là nguyên đơn trình bày: Thửa đất số 448, tờ bản đồ số 9, diện tích 230m^2, tọa lạc tại Ấp QN A, xã HL, huyện CT, tỉnh Trà Vinh có nguồn gốc của ông Lâm Văn P (cha của ông L) đăng ký sổ mục kê vào năm 1983 diện tích đất 322m^2, thuộc thửa số 214. Đến năm 1995 thì ông Lâm Văn G là anh của ông đại diện cho hộ kê khai đứng tên quyền sử dụng đất. Ông Lâm Thanh L cũng là thành viên trong hộ sống trên mãnh đất này từ nhỏ đến lớn và trên mãnh đất này có 02 căn nhà nằm liền kề nhau, gia đình ông ở một căn, gia đình ông G ở một căn. Đến năm 2001 ông tách hộ khẩu nhưng vẫn ở trên mãnh đất cho đến năm 2015 mới dời đi ở nơi khác.

Năm 2010 khi có dự án nâng cấp và mở rộng Quốc lộ 53 nên nhà và đất của ông bị giải tỏa bồi hoàn. Ông đã nhận tiền bồi hoàn là 83.113.359 đồng, ông Lâm Văn G đã nhận là 318.963.450 đồng.

Nay ông Lâm Thanh L khởi kiện yêu cầu ông Lâm Văn G chia đôi tổng số tiền bồi hoàn bằng 402.076.809 đồng mỗi người phân nữa số tiền là 201.038.000 đồng, diện tích đất còn lại sau khi thu hồi còn khoảng 80m^2 xin chia đôi mỗi người hưởng phân nữa.

- *Theo lời khai của người đại diện hợp pháp cho bị đơn là chị Lâm Thị Mỹ Tr trình bày:* Nguồn gốc đất của thửa số 448, tờ bản đồ số 9, diện tích 230m^2, tọa tại Ấp QN A, xã HL, huyện CT, tỉnh Trà Vinh là của ông Lâm Văn G thuê đất của bà L U, thuê năm nào không nhớ, hiện nay không còn giấy tờ, bà L U chết đã lâu trước khi ông G được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc căn nhà của ông L ở lúc đó thì chị còn nhỏ chị không biết, còn căn nhà của ông Lâm Văn G thì sau khi chị em lớn lên mới cất lại sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1993 ông G đi kê khai và đóng thuế đất cho Nhà nước, đến năm 1995 được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2010 Nhà nước thu hồi diện tích 228,4m^2 (theo Quyết định 1199/QĐUBND ngày 19/5/2010 diện tích 171,9m^2, Quyết định 1200/QĐUBND diện tích 56,5m^2) diện tích còn lại ngang khoảng 2,7m dài khoảng 19m. Khi Nhà nước bồi hoàn ông Lâm Thanh L nhận tiền bồi hoàn nhà ông L đang ở bằng 83.113.359 đồng và 50.000.000 đồng tiền hổ trợ tái định cư. Phía bên ông G nhận tiền bồi hoàn nhà và tài sản giá trị đất bị thu hồi bằng 318.963.450 đồng.

Nay chị Lâm Thị Mỹ Tr không đồng ý yêu cầu chia số tiền bồi hoàn đất, vật kiến trúc và diện tích đất còn lại.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 20/4/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, đã tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Thanh L.

2/ Buộc bà Nguyễn Thị N, bà Lâm Thị Mỹ T, bà Lâm Thị Mỹ C, ông Lâm Thu T, ông Lâm Thu L, bà Lâm Thị Mỹ T, bà Lâm Thị Mỹ H thanh toán cho ông L số tiền: 20.930.000đồng.

3/ Bà Nguyễn Thị N, bà Lâm Thị Mỹ T, bà Lâm Thị Mỹ C, ông Lâm Thu T, ông Lâm Thu L, bà Lâm Thị Mỹ T, bà Lâm Thị Mỹ H được tiền bồi thường nhà, vật kiến trúc, hoa màu, hỗ trợ số tiền 175.071.540đồng, tiền bồi hoàn giá trị đất số tiền 127.904.000đồng và 55,6m2 đất thửa 448 tờ bản đồ số 9, ấp QN A, xã HL, huyện CT, tỉnh Trà Vinh

Ngoài ra án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến án phí, lệ phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03/5/2018 ông Lâm Thanh L là nguyên đơn làm đơn kháng cáo, nêu lý do:

Bản án sơ thẩm không thỏa đáng, gây thiệt hại quyền lợi của ông, đề nghị phúc xử lại chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị chấp nhận đơn kháng cáo.

Phía bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp.HCM tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm, Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.HCM đã thụ lý và giải quyết đúng trình tự, thủ tục theo luật định, tại phiên tòa phúc thẩm những người tham gia tố tụng cũng đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của phía nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm xét hết thời hiệu khởi kiện là sai, vì các bên đương sự không có yêu cầu xem xét thời hiệu, do vậy có cơ sở sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Lâm Thanh L làm trong hạn luật định nên thủ tục kháng cáo hợp lệ.

[2] Về quan hệ tranh chấp, đối tượng giải quyết và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn thì vụ án có quan hệ tranh chấp là: *"Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất".*

Mà cụ thể là nguyên đơn đòi chia thừa kế giá trị quyền sử dụng diện tích 230m^2 đất tọa lạc tại thửa 448 tờ bản đồ số 9, ấp QN A, xã HL, huyện CT, tỉnh Trà Vinh Quan hệ tranh chấp trên được pháp luật quy định tại Điều 212, Điều 219, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 651, Điều 652, Điều 660 Bộ Luật dân sự, Luật Đất đai và các quy định hướng dẫn áp dụng Luật đất đai.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ "tranh chấp quyền sử dụng đất" là chưa phù hợp với yêu cầu khởi kiện của đương sự, Tòa án cấp phúc thẩm điều chỉnh lại quan hệ tranh chấp là "tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất" cho hợp lý được pháp luật quy định tại điều 35, 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn đã được Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện tống đạt triệu tập hợp lệ theo luật định nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo của đương sự:

[4.1] Những căn cứ xác định nội dung vụ án:

Căn cứ lời khai của các bên đương sự xác định: *Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp trên là của ông Lâm Văn P là cha của ông Lâm Thanh L, ông Lâm Văn G, gia đình ông chỉ có hai anh em ruột.*

Căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 256/QĐ-UBH ngày 23/10/2005 của UBND huyện CT, có nội dung: *Cấp cho hộ ông Lâm Văn G diện tích 230m^{2}thuộc thửa 488 tờ bản đồ số 9, mục đích sử dụng đất ở, thời hạn sử dụng tạm giao.*

Căn cứ lời khai và văn bản trình bày của các bên đương sự có nội dung: *Phần diện tích đất tranh chấp trên bị ảnh hưởng một phần bởi dựa án cải tạo nâng cấp QL 53, phía ông L nhận 83.113.359đồng bồi thường vật kiến trúc hoa màu và số tiền 50.000.000đồng hỗ trợ tái định cư. Ông G nhận 175.071.450đồng bồi thường vật kiến trúc hoa màu và các hỗ trợ khác. Riêng giá trị bồi thường đất ông Giỏi nhận số tiền 143.892.000đồng. Diện tích còn lại sau khi giải phóng mặt bằng là 55,6m^2.*

Căn cứ Biên bản định giá ngày 23/12/2016 của HĐĐG do Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh thành lập có nội dung: *Diện tích còn lại sau khi giải phóng mặt bằng là 55,6m^2 có giá trị 800.000đồng/m^2.*

[4.2] Từ những căn cứ trên, có cơ sở xác định về nội dung và yêu cầu của bên đương sự như sau:

Nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp 230m^2 là do ông Lâm Văn P cha của ông L, ông G tạo, đất này là thuộc loại đất ở, trên đất có nhà ở và công trình kiến trúc, cây hoa màu.

Đất bị giải tỏa một phần hiện chỉ còn lại 55,6m^2, ông L, ông G đã nhận phần giá trị *bồi thường nhà, hoa màu của từng người xong, riêng giá trị bồi thường đất ông G nhận số tiền 143.892.000đồng, nên ông L yêu cầu chia thừa kế số tiền này. Ngoài ra, diện tích còn lại sau khi giải phóng mặt bằng là 55,6m^2 ông L cũng yêu cầu được chia thừa kế.*

Do không thống nhất với nhau nên các bên đương sự đã phát sinh tranh chấp.

[4.3] Xét;

Theo Điều 184, Điều 185 Bộ Luật tố tụng dân sự, quy định về thời hiệu khởi kiện như sau:

Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc.

Người được hưởng lợi từ việc áp dụng thời hiệu có quyền từ chối áp dụng thời hiệu, trừ trường hợp việc từ chối đó nhằm mục đích trốn tránh thực hiện nghĩa vụ.

Theo Điều 651 Bộ Luật dân sự quy định về người thừa kế theo pháp luật như sau:

Những người thừa kế theo pháp luật được quy định theo thứ tự sau đây:

a) Hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết;

b) Hàng thừa kế thứ hai gồm: ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại;

c) Hàng thừa kế thứ ba gồm: cụ nội, cụ ngoại của người chết; bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột; chắt ruột của người chết mà người chết là cụ nội, cụ ngoại.

2. Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau.

[4.4] Đối chiếu với trường hợp khởi kiện của phía nguyên đơn thì thấy:

Ông P là chủ sở hữu diện tích đất tranh chấp, ông P chết không để lại di chúc, phần đất trên ông G, ông L là 2 anh em ruột cùng sử dụng, nhưng ông G đi đăng ký nhà đất đứng tên gia đình gồm vợ chồng con cái của ông và hộ ông G được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là chưa phù hợp với Bộ Luật dân sự như đã viện dẫn.

Ông L khởi kiện yêu cầu chia thừa kế là phù hợp luật định, theo hồ sơ thể hiện các bên đương sự không ai yêu cầu tranh chấp đòi xét đến thời hiệu, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định hết thời hiệu khởi kiện là chưa đúng với Điều 184, Điều 185 như đã viện dẫn.

Do đó có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm.

Xét yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn thì thấy:

Đối với yêu cầu đòi chia giá trị bồi thường về đất mà ông G đã nhận số tiền 143.892.000đồng, yêu cầu này là có cơ sở chấp nhận nên phía những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông G phải hoàn lại cho ông L ½ số tiền trên, cụ thể là: 71.946.000đồng.

Đối với yêu cầu đòi chia ½ diện tích đất 55,6m^2: Ông L đã nhận tiền tái định cư, ông G là người có công bảo quản, gìn giữ nên chia giá trị đất 55,6m^2 làm 3 phần, ông L hưởng 1/3 giá trị và ông giỏi hưởng 2/3 giá trị, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông G hoàn trả cho ông L ½ giá trị đất trên, tính theo biên bản định giá là 800.000đồng/m^2, cụ thể là: 55,6m^2 x 1/3 x 800.000đồng/m^2 = 14.826.666đồng.

Cộng chung 2 khoản, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông G hoàn trả cho ông L số tiền 71.946.000đồng + 14.826.666đồng = 86.772.666đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện, nên người được hưởng thừa kế chịu trên số tiền được nhận, cụ thể sau:

Vụ án thụ lý tại thời điểm Pháp lệnh lệ phí, án phí đang có hiệu lực pháp luật, nên áp dụng điểm b, khoản 2, mục 1 của danh mục án phí là 5%:

86.772.666đồng x 5% = 4.338.633đồng.

Nguyên đơn chịu án phí DSST theo luật định.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do được chấp nhận kháng cáo nên phía người kháng cáo không phải chịu.

Bởi các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của phía nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 35, Điều 37, Điều 184, Điều 185 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 651 Bộ luật dân sự.

Áp dụng Điều 50 Luật đất đai năm 2003.

Áp dụng Nghị quyết về lệ phí án phí Tòa án của UBTV QH.

Áp dụng Pháp lệnh về lệ phí, án phí tòa án.

Áp dụng Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2/ Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Lâm Văn G gồm: Bà Nguyễn Thị N, bà Lâm Thị Mỹ Tr, bà Lâm Thị Mỹ C, ông Lâm Thu T, ông Lâm Thu L, bà Lâm Thị Mỹ T, bà Lâm Thị Mỹ H có trách nhiệm hoàn trả cho ông Lâm Thanh L số tiền 86.772.666đồng.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lâm Thanh L chịu số tiền: 4.338.633đồng được khấu trừ số tiền 3.050.000đồng tạm ứng án phí DSST theo biên lai thu số 001026 ngày 26/11/2015 của Chi Cục Thi hành dân sự huyện CT, tỉnh Trà Vinh, như vậy ông L còn phải nộp 1.288.633đồng.

3/ Về án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn trả cho ông L số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí kháng cáo, theo biên lai thu số 0017021 ngày 07/5/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh.

4/ Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

5/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
– Tòa án nhân dân tối cao (1);
– VKSNDCC tại TP.HCM (1);
– TAND tỉnh Trà Vinh (1);
– Cục THADS tỉnh Trà Vinh (1);
– Các đương sự;
– Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LÊ HOÀNG TẤN